

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13969/BTC-NSNN
V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi
tới trước kỳ họp thứ 2, Quốc hội
khoá XV

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2021

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH
VÀ HĐND TỈNH TÂY NINH

Số:.....
ĐẾN Ngày: 09/12/21.....

Chuyển:.....

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh

Bộ Tài chính đã nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh do Ban Dân nguyện chuyển tới tại Công văn số 418/BDN ngày 02/11/2021. Sau khi xem xét, Bộ Tài chính có ý kiến trả lời như sau:

1. Nội dung kiến nghị: Đề nghị nghiên cứu trình Quốc hội điều chỉnh, bổ sung khoản 2, Điều 59, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 như sau: bổ sung nhiệm vụ chi “*Các nhiệm vụ chi cần thiết khác*” để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong điều hành, quản lý, sử dụng ngân sách và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

Ngày 13/11/2021, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 34/2021/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, theo đó, tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết, Quốc hội giao Chính phủ “*sớm nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan để đổi mới cơ chế phân cấp ngân sách nhà nước, cơ bản khắc phục tình trạng lồng ghép trong quản lý ngân sách nhà nước, tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, đồng thời nâng cao tính chủ động cho các địa phương*”. Vì vậy, Bộ Tài chính ghi nhận đề nghị nghiên cứu, tổng hợp trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

2. Nội dung kiến nghị: Đề tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân sản xuất trong ngành mía đường chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại về tài chính do các rủi ro xảy ra trong quá trình sản xuất, kiến nghị Chính phủ bổ sung cây mía vào nhóm cây trồng thuộc đối tượng hỗ trợ bảo hiểm khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/04/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp và Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

Trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời kế thừa Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 12031/BTC-QLBH ngày 20/10/2021 lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh

nghiệp bảo hiểm và đăng dự thảo Quyết định trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi. Đề nghị Đoàn Đại biểu có ý kiến với Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mà Bộ Tài chính đang xin ý kiến. Trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành có liên quan, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong thời gian tới.

3. Nội dung kiến nghị: Công ty TNHH dệt sợi Continental được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 452043000331 ngày 8/4/2015 do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp, ngành nghề sản xuất các loại sợi, vải dệt thoi, loại hình doanh nghiệp là doanh nghiệp chế xuất. Công ty được Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận ưu đãi số 45/XN-BCT ngày 26/2/2018. Các sản phẩm sản xuất của Công ty thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được Bộ Công Thương Giấy xác nhận ưu đãi số 45/XN-BCT ngày 26/2/2018. Công ty sản xuất ra dùng để xuất khẩu, không dùng làm nguyên liệu cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh trong nước. Công ty đề nghị trả lời trường hợp của Công ty là doanh nghiệp chế xuất chỉ sản xuất và xuất khẩu không tiêu thụ trên lãnh thổ Việt Nam Công ty có được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ hay không.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

- Tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ quy định:

“1. Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

2. Dự án sản xuất công nghiệp hỗ trợ là dự án đầu tư tại Việt Nam để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

3. Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này, được điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo từng thời kỳ.”

- Tại Khoản 5 và Khoản 9 Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 (Luật sửa đổi, bổ sung các Luật về thuế) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 quy định:

“5. Bổ sung điểm đ và điểm e vào khoản 1 Điều 13 như sau:

đ) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao;

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản

xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (EU) hoặc tương đương.

Chính phủ quy định Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại điểm này.

...

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Luật số 32/2013/QH13 như sau:

“3. Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm cấp phép hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trường hợp pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp có thay đổi mà doanh nghiệp đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung thì doanh nghiệp được quyền lựa chọn hưởng ưu đãi về thuế suất và về thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp phép hoặc theo quy định của pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung cho thời gian còn lại.”

- Tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính quy định:

“Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) áp dụng đối với:....

g) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao;

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt - may; da - giấy; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (EU) hoặc tương đương.

Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành tại Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; khi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển có sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế có liên quan.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC như sau:

“1. Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư này)”.

- Tại Điều 4 Thông tư số 21/2016/TT-BTC ngày 05/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 3/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ như sau:

“Điều 4. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (gọi tắt là Giấy xác nhận ưu đãi).

Trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công thương.

Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là cơ sở để áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Về mức ưu đãi, thời điểm bắt đầu áp dụng ưu đãi, việc chuyển tiếp ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp...”

Căn cứ các quy định nêu trên, văn bản pháp luật đã có quy định cụ thể về chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thành lập từ năm 2015 trở đi. Theo đó, dự án đầu tư thành lập từ ngày 01/01/2015 đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành đồng thời được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

4. Nội dung kiến nghị: Đề nghị xem xét không xác định nguồn thu từ kết dư ngân sách địa phương năm trước vào tổng nguồn thu cân đối ngân sách địa phương để xác định số tăng thu thực hiện so dự toán trích 70% dành nguồn cải cách tiền lương để đảm bảo tính phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong điều hành, quản lý và sử dụng ngân sách. Lý do, từ năm 2019, Bộ Tài chính thẩm định nguồn tăng thu ngân sách địa phương để trích 70% dành cải

cách tiền lương bao gồm khoản thu từ kết dư ngân sách địa phương năm trước. Khi thực hiện cơ chế này, địa phương gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, nhất là cấp ngân sách huyện, xã. Theo Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước thì Trường hợp còn kết dư ngân sách thì trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp; trích 50% còn lại vào thu ngân sách năm sau, tuy nhiên Chính phủ yêu cầu trích 70% cho cải cách tiền lương là không hợp lý, Chính phủ cần xem xét điều chỉnh cho phù hợp với các tỉnh, thành phố, không dàn đều nhất là đối với các tỉnh còn nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

Theo quy định tại điểm u, khoản 1 Điều 37 Luật ngân sách nhà nước, thu kết dư ngân sách địa phương là khoản thu ngân sách địa phương; việc sử dụng thu kết dư ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 và Điều 72 Luật ngân sách nhà nước, trong đó có nội dung dành nguồn cải cách tiền lương.

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; trên cơ sở kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước của địa phương của Kho bạc Nhà nước và báo cáo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Tài chính xác định 70% tăng thu ngân sách địa phương dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

Đối với khoản thu kết dư ngân sách, trường hợp có vướng mắc, Bộ Tài chính đề nghị Tỉnh rà soát, cung cấp thêm hồ sơ liên quan đến việc sử dụng số thu kết dư ngân sách được phép sử dụng theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 59¹ và Điều 72² Luật ngân sách nhà nước; chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo gửi Bộ Tài chính để xem xét, xử lý theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

5. Nội dung kiến nghị: Thời gian vừa qua, có một số nghệ sĩ vận động làm từ thiện mang tính chất cá nhân, tự phát nhưng thiếu công khai, minh bạch, đã tạo nên những dư luận không tốt. Đề nghị Chính phủ cần quan tâm, kiểm tra, giám sát, xây dựng hành lang pháp lý chặt chẽ hơn nhằm bảo vệ những người làm từ thiện chân chính; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm (nếu có) để tránh tình trạng lợi dụng, gây bức xúc trong xã hội.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo (thay

¹ Bao gồm: giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi; bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

² Bao gồm: sử dụng kết dư ngân sách cấp tỉnh để chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước, trích vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp.

thể Nghị định số 64/2008/NĐ-CP). Nội dung Nghị định được xây dựng với mục tiêu quy định thống nhất, cụ thể việc vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi cả nước; đảm bảo công tác vận động, tiếp nhận, phân phối nguồn đóng góp tự nguyện hiệu quả, kịp thời, công khai và minh bạch; khuyến khích, tôn vinh và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, nhanh chóng hỗ trợ nhằm ổn định cuộc sống, khôi phục và phát triển sản xuất, sinh hoạt của người dân. Đồng thời, quy định việc vận động, tiếp nhận và phân phối đảm bảo công khai, minh bạch.

Để đảm bảo tính công khai, minh bạch khi cá nhân thực hiện vận động, tiếp nhận và phân phối nguồn đóng góp tự nguyện, Nghị định đã quy định cụ thể như sau:

- Tại khoản 1 Điều 17 Nghị định đã quy định: khi vận động, cá nhân có trách nhiệm thông báo trên phương tiện truyền thông về mục đích, phạm vi, phương thức, hình thức vận động, tài khoản tiếp nhận (với tiền), địa điểm tiếp nhận (với hiện vật), thời gian cam kết phân phối; đồng thời, người vận động gửi văn bản đến UBND cấp xã nơi cư trú thông báo về nội dung này. Chính quyền xã sẽ lưu trữ để theo dõi và cung cấp thông tin khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân đóng góp hoặc nhận hỗ trợ và cơ quan có thẩm quyền phục vụ công tác hướng dẫn, theo dõi, thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm.

- Tại khoản 2 Điều 17 Nghị định đã quy định: Cá nhân tham gia vận động phải mở tài khoản riêng tại ngân hàng theo từng cuộc vận động, để tiếp nhận, quản lý toàn bộ tiền đóng góp; bố trí địa điểm tiếp nhận, bảo quản hiện vật đóng góp; có biên nhận các khoản đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật tiếp nhận được nếu người đóng góp yêu cầu và không được tiếp nhận thêm các khoản đóng góp tự nguyện sau khi kết thúc thời gian tiếp nhận đã cam kết; có trách nhiệm thông báo đến nơi mở tài khoản về việc dừng tiếp nhận các khoản đóng góp tự nguyện.

- Tại khoản 1, 2, 4 Điều 18 Nghị định đã quy định: Cá nhân vận động quyên góp thông báo đến địa phương nơi tiếp nhận hỗ trợ để phối hợp xác định phạm vi, nhóm người cần hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ. Chậm nhất 3 ngày làm việc, chính quyền địa phương nơi tiếp nhận hỗ trợ phải hướng dẫn các nội dung trên; cử lực lượng tham gia phân phối cùng người vận động khi cần thiết hoặc theo đề nghị của người đó. Nếu số tiền đóng góp tự nguyện còn dư thì người đứng ra vận động thống nhất với những người đóng góp để có phương án sử dụng; hoặc chuyển cho Mặt trận Tổ quốc các cấp thực hiện chính sách an sinh xã hội đảm bảo phù hợp với mục tiêu đã cam kết.

- Tại khoản 1 Điều 19 Nghị định đã quy định: Cá nhân đứng ra vận động cứu trợ phải tự chi trả toàn bộ các chi phí liên quan, như chi phí tiếp nhận, phân phối, sử dụng nguồn đóng góp... Trường hợp tổ chức, cá nhân đóng góp đồng ý thì cá nhân vận động được trích kinh phí từ nguồn vận động được nhưng phải tổng hợp và công khai khoản chi phí này.


- Tại khoản 3, 4 Điều 19 Nghị định đã quy định: Để đảm bảo tính công khai, minh bạch các khoản đóng góp tự nguyện do cá nhân vận động, phân phối để khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, người vận động cần mở sổ ghi chép đầy đủ thông tin về quá trình này, từ khâu tiếp nhận đến khi phân phối xong; công khai trên truyền thông và gửi kết quả đến UBND cấp xã nơi cư trú để niêm yết tại trụ sở trong 30 ngày. Các nội dung công khai gồm: văn bản vận động cứu trợ; kết quả tiếp nhận (tổng số tiền, hiện vật tiếp nhận); kết quả phân phối... Trường hợp cơ quan chức năng có thẩm quyền yêu cầu, người vận động cứu trợ có trách nhiệm cung cấp thông tin.

Trên đây là trả lời của Bộ Tài chính đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên; ✓
- Ban Dân nguyện - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội (Vụ Dân nguyện);
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHĐP);
- Văn phòng;
- TCT, Cục QLGSBH;
- Cục THTK (để đăng tải công TTĐT);
- Lưu: VT, NSNN, H.M.Phương(GB)✓

BỘ TRƯỞNG



Hồ Đức Phúc